TOÀ ÁN NHÂN DÂN **H. HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/09/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thanh Phúc
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Đình Hùng
- Bà Lê Thị Hoài Thương

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Xuân Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 213/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/07/2024 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/QĐST-HNGĐ ngày 11/09/2024, giữa các đương sự**:**

**** Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị B, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Tổ 09, thôn M, xã Hoà N, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

**** Bị đơn****:* Ông Lê Th, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Tổ 09, thôn M, xã N, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện gửi tới Toà án ngày 01/07/2024 nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông Lê Th xây dựng gia đình với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoà Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 49 ngày 24/06/1990).

Năm 2011 thì vợ chồng chuyển về sinh sống tại thôn quan Châu, xã Hoà Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Kể từ khi vợ chồng lấy nhau trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Thương không chăm lo cho gia đình và thường xuyên bạo lực gia đình đối với bà Bê. Trước đây bà Bê cũng đã làm đơn xin ly hôn đối với ông Th nhưng sau đó cũng đã rút đơn về để ông Th sửa chữa. Tuy nhiên, ông Th không thay đổi, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay, bà Bê ra thuê trọ ở riêng.

Nay bà B xác định không còn tình cảm gì với ông Lê Th, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Th.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị B xác định giữa bà B và ông Th có 02 con chung tên:

1. Lê Thị Thu C, sinh ngày: 01/06/1991

2. Lê Minh Th, sinh ngày 03/10/1998

Ly hôn, do 02 (hai) con đã trên 18 tuổi nên bà Trần Thị B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tuy nhiên, tại phiên toà bà Trần Thị B trình bày và xuất trình chứng cứ chứng minh đối với con Lê Minh Th mặc dù đã đủ 18 tuổi, nhưng cháu bị khuyết tật và đang hưởng trợ cấp xã hội mỗi tháng 600.000 đồng. Khi 02 vợ chồng không còn sống chung với nhau thì con Lê Minh Th đều do ông Lê Th chăm sóc, nuôi nấng nên bà xin thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án giao con Lê Minh Th cho ông Lê Th trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn và bà Trần Thị B cấp dưỡng nuôi con Lê Minh Th mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị B không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản ghi ý kiến gửi Tòa án.***

***** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng**:**

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, bị đơn ông Lê Th có nơi cư trú tại địa chỉ: Tổ 09, thôn Quan Châu, xã Hoà Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Th đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B và ông Lê Th xây dựng gia đình với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoà Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào lời khai của bà Trần Thị B, biên bản xác minh tại địa phương của Toà án và tại phiên tòa thì thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà B và ông Th thực sự đã quá trầm trọng, giữa bà B và ông Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông Th không chăm lo cuộc sống gia đình, hay bạo lực gia đình hiện tại 02 vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay, không quan tâm lẫn nhau nữa.

Ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện ông Th cũng không thực sự mong muốn hàn gắn, níu kéo cuộc hôn nhân này. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà B và ông Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị B đối với ông Lê Th là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung:

Bà Trần Thị B xác định giữa bà Bê và ông Thương có 02 con chung tên:

1. Lê Thị Thu C, sinh ngày: 01/06/1991

2. Lê Minh Th, sinh ngày 03/10/1998

Đối với con Lê Minh Th mặc dù đã đủ 18 tuổi, nhưng cháu bị khuyết tật và đang hưởng trợ cấp xã hội mỗi tháng 600.000 đồng. Ly hôn, bà B yêu cầu Toà án giao con Lê Minh Th cho ông Lê Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà Trần Thị B cấp dưỡng nuôi con Lê Minh Th mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đối với con Lê Thị Thu C đã trên 18 tuổi bà B không yêu cầu Toà án đề cập giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với cháu Lê Minh Th mặc dù đã đủ 18 tuổi, nhưng cháu bị khuyết tật và đang hưởng trợ cấp xã hội mỗi tháng 600.000 đồng. Khi bà B và ông Th không còn sống chung với nhau thì con Lê Minh Th đều do ông Lê Th chăm sóc, nuôi nấng nên bà B yêu cầu Toà án giao con Lê Minh Th cho ông Lê Th trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn và bà Trần Thị B cấp dưỡng nuôi con Lê Minh Th mỗi tháng 2.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Đối với con Lê Thị Thu C đã trên 18 tuổi nên bà B không yêu cầu Toà án giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị B không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B đối với ông Lê Th về việc *"Ly hôn"*.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B được ly hôn ông Lê Th.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Minh Th, sinh ngày 03/10/1998 cho ông Lê Th trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị B có nghĩa cụ cấp dưỡng nuôi con Lê Minh Th mỗi tháng 2.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Đối với con Lê Thị Thu C đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị B không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* bà Trần Thị B phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Bê đã nộp tại biên lai thu số 0002205 ngày 23/07/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Bà Trần Thị B còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền: 300.000 đồng.

5. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND phường Hoà Xuân, quận Cẩm Lệ (Số ĐKKH: 49 ngày 24/06/1990);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Phúc